

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 682/2024/DS-ST  
Ngày: 05-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lại Hữu Tâm
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

– **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 550/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 479/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Trần Gia T, sinh năm 1971 – Chức vụ: Chuyên viên – Là người đại diện theo ủy quyền.

(Văn bản ủy quyền số 5072/2023/UQ-TGD ngày 24/12/2023)

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Thái Thị Hồng T1, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số D7/29A ấp N, xã M, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2024 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Gia T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là ngân hàng S) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/7/2018 với bà Thái Thị Hồng T1; với hạn mức sử dụng thẻ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất 2,4%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 132.512.486 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng). Bà T1 đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 99.446.218 đồng (Chín mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm mười tám đồng). Từ ngày 06/8/2022 đến nay, bà Thái Thị Hồng T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền còn lại là 43.974.461 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng). Qua nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu khách hàng thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05/9/2024, bà T1 còn nợ số tiền gồm:

+ Số tiền gốc: 43.974.461 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 40.209.978 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm lẻ chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng).

Tổng cộng: 84.184.439 đồng (Tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng).

Nay ngân hàng S yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 84.184.439 đồng (Tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng). Bà T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho ngân hàng.

*Đối với bị đơn bà Thái Thị Hồng T1:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghi án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn bà Thái Thị Hồng T1 có ký với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Thái Thị Hồng T1 trả khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký giữa các bên; bị đơn cư trú tại xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn bà Thái Thị Hồng T1 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Gia Thế có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/7/2018 thì bà Thái Thị Hồng T1 có sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng S với hạn mức được cấp là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 05/9/2024, bà Yên còn nợ ngân hàng S cụ thể như sau:

+ Số tiền gốc: 43.974.461 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng).

+ Số tiền lãi quá hạn: 40.209.978 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm lẻ chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng).

Tổng cộng: 84.184.439 đồng (Tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng).

Ngân hàng S yêu cầu bà T1 thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 06/9/2024, cho đến khi bà T1 thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

#### **Tuyên xử:**

##### **I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.**

1. Bà Thái Thị Hồng T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 84.184.439 đồng (Tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng), bao gồm số tiền gốc là 743.974.461 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng) và tiền lãi quá hạn là 40.209.978 đồng (Bốn mươi triệu hai trăm lẻ chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày 06/9/2024, bà T1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/7/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3. Về án phí: Bà Thái Thị Hồng T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.209.221 (Bốn triệu hai trăm lẻ chín nghìn hai trăm hai mươi một đồng).

Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.761.612 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm mười hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033353 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**II.** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khương**